| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH A**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 3 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Phước Trung

2. Bà Trần Thị Kim Thắm

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang*** *tham gia phiên toà:* Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé H

Địa chỉ: Ấp 1A, xã TH, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Đinh Văn D

Địa chỉ: Ấp 1A, xã TH, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày: Bà và ông Đinh Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2021, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do ông D thường xuyên nhận say về buông lời thô tục, chửi mắng bà. Chính quyền địa phương đã giáo dục, ông D hứa sửa đổi nhưng vẫn tánh nào tật ấy. Đến nay, bà H thấy không thể hàn gắn, không còn tình cảm với ông D nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Đinh Văn D trình bày như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Bé H tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn vào năm 2021. Quá trình chung sống hạnh phúc, bản thân ông thương vợ nên cũng có ghen tuông. Đôi lần ông có nhậu say về chửi bà H, ông đã biết sai trái, xin cho ông cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Bà H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông D. Ông D không đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung hai bên khai thống nhất không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé H đối với ông Đinh Văn D; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Đinh Văn D do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông D, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án ly

hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà H và ông D tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà H và ông D phát sinh mâu thuẫn. Bà H cho rằng ông D thường nhậu say về chửi mắng, xúc phạm bà. Ông D thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn, nhận sai trái và xin bà H cho ông cơ hội sửa đổi nên ông không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử đã động viên, giải thích để hai bên cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông D.

[3.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bé H được ly hôn với ông Đinh Văn D. Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Bé H và ông Đinh Văn D không còn giá trị kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2022.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0011678 ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà H đã nộp xong án phí).

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 22 tháng 3 năm 2022.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chúc Linh**